



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 118/QĐ-HHVN Ngày 8 tháng 4 năm 2014

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh Nghiệp số** 0204001192 Ngày 2 tháng 6 năm 2008

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh 6 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200236845 ngày 18 tháng 7 năm 2014.

Hội đồng Quản trị	Ông Phùng Xuân Hà	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hùng Việt	Thành viên
	Ông Cao Trung Ngoan	Thành viên
	Ông Trương Văn Thái	Thành viên
	Ông Bùi Chiến Thắng	Thành viên
	Ông Vũ Tuấn Dương	Thành viên
	Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Hải	Thành viên	

Ban Kiểm soát	Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban
	Bà Đào Thị Thu Hà	Thành viên
	Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Hùng Việt	Tổng Giám đốc
	Ông Cao Trung Ngoan	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trương Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Tuấn Linh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 13 tháng 10 năm 2016

0112
ÔNG
NHIỆM
PM
IÊM -



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600
Fax: +84 4 3946 1601
www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 10 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410, “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ

- (i) Như được trình bày tại Thuyết minh 8(b), Công ty không thể thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc, một công ty liên kết của Công ty, tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, ngày 1 tháng 1 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2015 để hạch toán phần vốn đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Do không có đủ thông tin, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục soát xét thích hợp để thu thập bằng chứng cần thiết về việc hạch toán khoản đầu tư vào công ty liên kết này theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ liên quan đến đầu tư vào các công ty liên kết, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.
- (ii) Tài sản cố định của Công ty là cầu số 4, số 5, bãi container và một số thiết bị khác được hình thành từ trước thời điểm cổ phần hóa Công ty. Tại ngày 1 tháng 7 năm 2014 là thời điểm Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần, Công ty đã ghi nhận các tài sản nói trên theo giá trị định giá lại khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Vào ngày 25 tháng 11 năm 2015, Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT phê duyệt giá trị quyết toán của các tài sản này và yêu cầu Công ty nhận nợ khoản vay vốn ODA liên quan đến các tài sản này do nguồn vốn đầu tư dự án hình thành các tài sản nói trên trước đây bao gồm vốn vay ODA và vốn Nhà nước. Do giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần chưa được quyết toán, Công ty đã tạm thời ghi nhận một phần khoản vay vốn ODA bằng cách chuyển sang từ nguồn vốn Nhà nước. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty vẫn đang trong quá trình xin phê duyệt phương án trả nợ các khoản vay vốn ODA. Do không có đầy đủ thông tin, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ liên quan đến tài sản cố định hữu hình – nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế, phải thu về cổ phần hóa, vay dài hạn, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, giá vốn hàng bán và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Kết luận soát xét ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại phần Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính rằng các số liệu so sánh đã trình bày, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 37 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, là số liệu căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 trong báo cáo kiểm toán ngày 18 tháng 3 năm 2016 và kết luận soát xét ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 trong báo cáo soát xét ngày 13 tháng 8 năm 2015 liên quan đến việc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam chưa phê duyệt quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại Công ty và số liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty dựa trên số liệu quyết toán vốn Nhà nước do Công ty tự tính toán.

Trong quá trình soát xét báo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, chúng tôi đã soát xét các điều chỉnh như được trình bày tại Thuyết minh 37 được áp dụng để điều chỉnh các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015. Chúng tôi không được chỉ định để kiểm toán, soát xét hay thực hiện bất kỳ thủ tục nào đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, ngoài các thủ tục soát xét được thực hiện đối với những điều chỉnh được trình bày ở Thuyết minh 37 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận soát xét hay bất kỳ sự đảm bảo nào về những báo cáo tài chính nêu trên. Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng các điều chỉnh đó là không phù hợp và không được áp dụng đúng. Kết luận soát xét ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-149b



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **13 -10- 2016**

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.798.616.649.081	1.860.807.489.317
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	254.512.784.654	42.454.875.739
Tiền	111		215.012.784.654	42.454.875.739
Các khoản tương đương tiền	112		39.500.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.028.146.000.000	1.340.067.450.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(a)	1.028.146.000.000	1.340.067.450.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		448.978.866.753	417.986.337.388
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	301.576.183.103	251.107.879.060
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		21.851.153.831	40.589.446.840
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	144.004.408.647	140.841.889.987
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(18.452.878.828)	(14.552.878.499)
Hàng tồn kho	140	12	40.270.296.806	40.333.268.032
Hàng tồn kho	141		40.270.296.806	40.333.268.032
Tài sản ngắn hạn khác	150		26.708.700.868	19.965.558.158
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		18.951.506.337	16.242.068.218
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.214.721.493	1.192.387.225
Thuế phải thu Nhà nước	153	18(a)	5.542.473.038	2.531.102.715

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		3.332.019.314.995	3.419.299.796.763
Các khoản phải thu dài hạn	210		584.181.000	593.181.000
Phải thu dài hạn khác	216		584.181.000	593.181.000
Tài sản cố định	220		2.992.384.706.121	3.081.954.078.926
Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.990.867.986.744	3.080.002.255.887
Nguyên giá	222		6.495.634.030.166	6.385.229.257.734
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.504.766.043.422)	(3.305.227.001.847)
Tài sản cố định vô hình	227	14	1.516.719.377	1.951.823.039
Nguyên giá	228		32.475.549.100	32.475.549.100
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.958.829.723)	(30.523.726.061)
Tài sản dở dang dài hạn	240		34.971.870.544	20.598.924.390
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	34.971.870.544	20.598.924.390
Đầu tư tài chính dài hạn	250		247.534.448.159	252.024.526.063
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	8(b)	229.790.538.159	234.280.616.063
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	8(c)	17.748.910.000	17.748.910.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	8(c)	(5.000.000)	(5.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		56.544.109.171	64.129.086.384
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	56.544.109.171	64.129.086.384
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.130.635.964.076	5.280.107.286.080

142-C
TY
HỮU HẠN
G
T.P. HẢI PHÒNG

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.395.726.224.761	1.519.644.924.028
Nợ ngắn hạn	310		568.117.150.895	723.529.503.046
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	46.553.495.279	58.659.537.544
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.242.361.202	6.577.293.681
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18(b)	25.124.208.094	40.734.466.910
Phải trả người lao động	314		109.233.043.046	172.261.508.294
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	71.275.228.267	52.146.398.006
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	167.604.325.140	183.445.925.724
Vay ngắn hạn	320	21(a)	68.544.839.796	63.395.046.558
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22(a)	30.984.543.174	26.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	37.555.106.897	120.309.326.329
Nợ dài hạn	330		827.609.073.866	796.115.420.982
Vay dài hạn	338	21(b)	803.256.380.430	766.847.585.982
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		3.291.395.436	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22(b)	21.061.298.000	29.267.835.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.734.909.739.315	3.760.462.362.052
Vốn chủ sở hữu	410	24	3.734.909.739.315	3.760.462.362.052
Vốn cổ phần	411	25	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		72.599.527.038	72.599.527.038
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(613.301.691.109)	(613.301.691.109)
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	156.045.989.580	95.590.703.400
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		411.222.785.465	462.891.641.790
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ/năm trước</i>	421a		184.708.068.603	119.009.730.686
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay</i>	421b		226.514.716.862	343.881.911.104
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		438.743.128.341	473.082.180.933
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.130.635.964.076	5.280.107.286.080

Ngày 13 tháng 10 năm 2016

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	29	1.179.485.773.344	1.154.569.128.321
Giá vốn hàng bán	11		671.084.552.316	733.946.058.491
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		508.401.221.028	420.623.069.830
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	35.423.454.520	27.790.377.335
Chi phí tài chính	22	31	102.541.917.845	46.502.297.887
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>23.552.744.883</i>	<i>40.169.001.245</i>
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		5.180.033.126	6.501.547.566
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	93.518.933.080	61.541.000.685
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 26)	30		352.943.857.749	346.871.696.159
Thu nhập khác	31		1.093.423.412	1.683.790.746
Chi phí khác	32		894.650.489	309.401.695
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		198.772.923	1.374.389.051
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		353.142.630.672	348.246.085.210
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	53.523.676.565	57.589.841.616
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	2.031.395.436	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		297.587.558.671	290.656.243.594

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND Đã điều chỉnh lại
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		226.514.716.862	224.505.907.611
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		71.072.841.809	66.150.335.983
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	692,79	686,65

Ngày 13 tháng 10 năm 2016

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND Đã điều chỉnh/ trình bày lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		353.142.630.672	348.246.085.210
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		199.777.087.735	198.954.799.307
Các khoản dự phòng	03		678.006.503	304.779.657
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		73.520.267.997	3.264.496.944
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(35.435.345.822)	(29.591.647.388)
Chi phí lãi vay	06		23.552.744.883	40.169.001.245
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		615.235.391.968	561.347.514.975
Biến động các khoản phải thu	09		(36.380.928.992)	(99.617.221.275)
Biến động hàng tồn kho	10		62.971.226	(6.644.226.346)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(66.330.255.032)	120.835.619.675
Biến động chi phí trả trước	12		4.875.539.094	5.941.595.313
			517.462.718.264	581.863.282.342
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.743.342.294)	(8.295.882.158)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(68.486.125.274)	(61.336.632.619)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	128.189.455
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(139.661.673.292)	(56.209.558.331)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		304.571.577.404	456.149.398.689

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	
		Đã điều chỉnh/ trình bày lại		
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
	Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(124.777.718.586)	(146.878.234.614)
	Tiền chi gửi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(1.577.891.000.000)	(1.741.958.120.000)
	Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	1.889.812.450.000	1.523.532.876.000
	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	5.114.639.588	-
	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	29.858.707.399	22.083.697.427
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	222.117.078.401	(343.219.781.187)	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
	Tiền thu từ đi vay	33	110.000.000.000	-
	Tiền trả nợ gốc vay	34	(142.235.904.588)	(39.741.285.659)
	Tiền trả cổ tức	36	(282.398.852.950)	(64.174.895.070)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(314.634.757.538)	(103.916.180.729)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	212.053.898.267	9.013.436.773	
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	42.454.875.739	53.328.476.304	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.010.648	24.918	
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	254.512.784.654	62.341.937.995	

Ngày 13 tháng 10 năm 2016

Người lập:



Đào Ngọc Thành
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Việt
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa theo Quyết định số 118/QĐ-HHVN ngày 8 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt và chuyển Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Cảng Hải Phòng thành Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con và các lợi ích của Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty theo giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khai thác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng công trình dân dụng khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Hoạt động bệnh viện, trạm xá;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; và
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không phục vụ quầy bar).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Công ty có trụ sở chính tại số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 2 đơn vị trực thuộc (1/1/2016: 5 đơn vị trực thuộc) và 5 công ty con (1/1/2016: 2 công ty con) như sau:

(i) Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ	Số 5 Chùa Vẽ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Cảng Tân Vũ	KCN Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng

(ii) Các công ty con

	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	100%
Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng	Hải Phòng	60%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Hải Phòng	51%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty và các công ty con có 7 công ty liên kết (1/1/2016: 8 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh số 8(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty và các công ty con có 4.037 nhân viên (1/1/2016: 4.042 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty và các công ty con được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty và các công ty con, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty và các công ty con phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty và các công ty con trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

010
C
SÁCH T
K
TỬ LI

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 40 năm
▪ máy móc, thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 20 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 13 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 20 năm.



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

(ii) Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí thuê đất

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 43 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định tính theo phương pháp dựa trên số liệu của bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

TRÁC
TỬ

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, không có thay đổi trọng yếu nào trong phương pháp thực hiện các ước tính kế toán so với thời điểm lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

5. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Ngày 1 tháng 2 năm 2016, Công ty đã giải thể 3 đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu, Chi nhánh Cảng Bạch Đằng và Trung tâm Y tế cảng Hải Phòng và thành lập 3 công ty con là Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu, Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng và Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng.

Ngày 25 tháng 4 năm 2016, Công ty thoái vốn khỏi công ty liên kết là Trường Cao đẳng Nghề Hàng hải Việt Nam.

1120
NG
HIỆM H
MC
M - T

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Báo cáo bộ phận

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Dịch vụ kho vận, bốc dỡ hàng hóa và các dịch vụ khai thác cảng hàng hải khác
- Hoạt động khác (Dịch vụ khám chữa bệnh và dịch vụ giáo dục nghề nghiệp)

	Dịch vụ kho vận, bốc dỡ hàng hóa và các dịch vụ khai thác cảng hàng hải khác		Hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	1.177.047.116.347	1.153.660.108.159	2.438.656.997	909.020.162	-	-	1.179.485.773.344	1.154.569.128.321
Doanh thu giữa các bộ phận	39.951.568.637	26.830.238.433	997.933.100	141.225.000	(40.949.501.737)	(26.971.463.433)	-	-
Tổng doanh thu của bộ phận	1.216.998.684.984	1.180.490.346.592	3.436.590.097	1.050.245.162	(40.949.501.737)	(26.971.463.433)	1.179.485.773.344	1.154.569.128.321
Kết quả kinh doanh của bộ phận	507.171.203.235	421.855.700.723	1.230.017.793	(1.232.630.893)	-	-	508.401.221.028	420.623.069.830
Chi phí không phân bổ							160.637.396.405	80.252.921.237
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh							347.763.824.623	340.370.148.593
Thu nhập khác							1.093.423.412	1.683.790.746
Chi phí khác							894.650.489	309.401.695
Phần chia lợi nhuận của công ty liên kết							5.180.033.126	6.501.547.566
Thuế thu nhập doanh nghiệp							55.555.072.001	57.589.841.616
Lợi nhuận thuần sau thuế							297.587.558.671	290.656.243.594

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Dịch vụ kho vận, bốc dỡ hàng hóa và các dịch vụ khai thác cảng hàng hải khác		Hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản của bộ phận	4.818.135.731.124	4.961.206.072.212	17.391.070.399	14.596.823.911	-	-	4.835.526.801.523	4.975.802.896.123
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	229.790.538.159	234.280.616.063	-	-	-	-	229.790.538.159	234.280.616.063
Tài sản không phân bổ							65.318.624.394	70.023.773.894
Tổng tài sản	5.047.926.269.283	5.195.486.688.275	17.391.070.399	14.596.823.911	-	-	5.130.635.964.076	5.280.107.286.080
Tổng nợ phải trả	1.402.797.054.678	1.528.388.666.651	2.533.201.019	887.066.577	(9.604.030.936)	(9.630.809.200)	1.395.726.224.761	1.519.644.924.028
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	124.777.718.586	146.878.234.614	-	-	-	-	124.777.718.586	146.878.234.614
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	199.046.675.575	197.809.308.082	492.366.000	509.328.000	-	-	199.539.041.575	198.318.636.082
Khấu hao tài sản cố định vô hình	435.103.662	750.530.893	-	-	-	-	435.103.662	750.530.893

Ban Tổng Giám đốc xác định rằng, hiện tại Công ty và các công ty con hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất là lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.962.262.753	507.073.233
Tiền gửi ngân hàng	213.050.521.901	41.947.802.506
Các khoản tương đương tiền	39.500.000.000	-
	254.512.784.654	42.454.875.739

8. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	1.028.146.000.000	1.028.146.000.000	1.340.067.450.000	1.340.067.450.000

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Đình Vũ	151.123.599.729	146.476.415.954
Công Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	16.499.089.736	16.553.152.661
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	2.675.470.515	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hàng hải Hải Phòng	26.848.976.462	25.289.203.035
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô – Cảng Hải Phòng	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Cảng Hải Phòng	27.125.367.288	31.440.000.000
Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc (*)	5.518.034.429	5.518.034.429
Trường Cao đẳng Nghề Hàng hải Việt Nam	-	6.003.809.984
	229.790.538.159	234.280.616.063

(*) Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của công ty liên kết này để hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2016			1/1/2016					
	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND Đã điều chỉnh lại	Dự phòng VND Đã điều chỉnh lại	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	Hải Phòng	0,15%	15.307.119.745	-	(*)	0,15%	15.307.119.745	-	(*)
Công ty Cổ phần Tin học và Công nghệ Hàng hải	Hải Phòng	3,06%	138.159.243	-	(*)	3,06%	138.159.243	-	(*)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Hải Phòng	0,06%	122.500.000	(5.000.000)	(*)	0,06%	122.500.000	(5.000.000)	(*)
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics	Hải Phòng	1,41%	2.181.131.012	-	(*)	1,41%	2.181.131.012	-	(*)
			17.748.910.000	(5.000.000)			17.748.910.000	(5.000.000)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán mục Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

P. H. / 0.11

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
<i>Các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	890.585.596	734.835.530
Công ty TNHH Tiếp Vận SITC – Đình Vũ	182.723.842	151.996.962
<i>Các bên thứ ba</i>		
Maersk Line A/S	25.584.128.855	25.360.355.030
Các khách hàng khác	274.918.744.810	224.860.691.538
	301.576.183.103	251.107.879.060

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 15 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

10. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Phải thu về cổ phần hóa từ công ty mẹ - Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	123.842.324.111	123.842.324.111
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	13.930.824.583	11.249.688.890
Phải thu khác	6.231.259.953	5.749.876.986
	144.004.408.647	140.841.889.987

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2016			1/1/2016				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô Cảng Hải Phòng	Trên 3 năm	3.211.759.458	(3.211.759.458)	-	Trên 3 năm	3.236.585.742	(3.236.585.742)	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	Trên 3 năm	6.628.866.818	(6.628.866.818)	-	Trên 3 năm	6.628.866.818	(6.628.866.818)	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Hải Châu	2 - 3 năm	965.762.010	(676.033.407)	289.728.603	1 - 2 năm	965.762.010	(482.881.005)	482.881.005
Công ty Cổ phần Hưng Đạo Container	1 - 2 năm	3.006.328.497	(1.503.164.249)	1.503.164.248	1 - 2 năm	3.006.328.497	-	3.006.328.497
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Nam Triệu	6 tháng - 1 năm	5.751.117.231	(1.725.335.169)	4.025.782.062	Dưới 6 tháng	5.751.117.231	(3.997.782.609)	5.751.117.231
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	3.984.116.204	(3.984.116.204)	-	Trên 3 năm	3.997.782.609	(3.997.782.609)	-
Các khách hàng khác	Dưới 3 năm	1.723.797.185	(723.603.523)	1.000.193.662	Dưới 3 năm	1.778.797.185	(206.762.325)	1.572.034.860
		25.271.747.403	(18.452.878.828)	6.818.868.575		25.365.240.092	(14.552.878.499)	10.812.361.593

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(18.452.878.828)

(14.552.878.499)

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/6/2016	1/1/2016
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Nguyên vật liệu	27.751.410.559	29.198.772.418
Công cụ và dụng cụ	12.460.291.374	11.047.463.635
Hàng hóa	58.594.873	87.031.979
	<hr/>	<hr/>
	40.270.296.806	40.333.268.032
	<hr/>	<hr/>

10C
CỔ
ÁCH N
K
TỬ LI

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	2.668.819.509.090	532.048.376.279	3.095.001.244.854	89.360.127.511	6.385.229.257.734
Tăng trong năm	182.682.091	63.724.999.545	46.520.000	509.000.000	64.463.201.636
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	21.688.324.793	95.641.550	21.683.090.453	2.474.514.000	45.941.570.796
Số dư cuối kỳ	2.690.690.515.974	595.869.017.374	3.116.730.855.307	92.343.641.511	6.495.634.030.166
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	1.358.368.511.207	309.585.849.717	1.568.153.989.500	69.118.651.423	3.305.227.001.847
Khấu hao trong kỳ	60.793.299.477	26.970.108.396	108.888.998.503	2.886.635.199	199.539.041.575
Số dư cuối kỳ	1.419.161.810.684	336.555.958.113	1.677.042.988.003	72.005.286.622	3.504.766.043.422
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	1.310.450.997.883	222.462.526.562	1.526.847.255.354	20.241.476.088	3.080.002.255.887
Số dư cuối kỳ	1.271.528.705.290	259.313.059.261	1.439.687.867.304	20.338.354.889	2.990.867.986.744

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 461.635 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 453.806 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 135.580 triệu VND (1/1/2016: 157.429 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con.

3 T / 04 / 11
 M H U
 V G

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	32.475.549.100
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	30.523.726.061
Khấu hao trong kỳ	435.103.662
Số dư cuối kỳ	30.958.829.723
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.951.823.039
Số dư cuối kỳ	1.516.719.377

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 26.890 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 26.890 triệu VND).

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	20.598.924.390	91.424.481.229
Tăng trong kỳ/năm	60.314.516.950	20.851.968.202
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(45.941.570.796)	(91.677.525.041)
Số dư cuối kỳ/năm	34.971.870.544	20.598.924.390



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công trình nhà điều hành 5 tầng Đình Vũ	22.848.519.092	11.864.211.818
Nâng cấp hệ thống điện điều khiển cầu trục	2.955.890.909	2.955.890.909
Dự án tàu trọng tải lớn vào cảng	1.135.850.909	1.135.850.909
Đường RTG trên bãi tiền phương (đường 12 RTG + 6 RTG)	1.740.391.676	884.646.719
Dự án các công trình kho bãi chứa hàng hậu phương sau cầu số 5, 6	1.068.703.275	895.018.373
Công trình khác	5.222.514.683	2.863.305.662
	<hr/>	<hr/>
	34.971.870.544	20.598.924.390
	<hr/>	<hr/>

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ, dụng cụ VND	Lợi thế kinh doanh VND	Chi phí thuê đất VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	5.688.394.468	25.649.568.000	31.246.271.916	1.544.852.000	64.129.086.384
Tăng trong kỳ	3.780.670.263	-	-	163.240.000	3.943.910.263
Phân bổ trong kỳ	(3.379.283.076)	(6.412.392.000)	(376.461.108)	(1.360.751.292)	(11.528.887.476)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	6.089.781.655	19.237.176.000	30.869.810.808	347.340.708	56.544.109.171
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và nhà cung cấp là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
<i>Các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Logistics Cảng Sài Gòn	301.081.000	80.698.200
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ	2.419.525.273	2.503.498.112
<i>Các bên thứ ba</i>		
Các nhà cung cấp khác	43.832.889.006	56.075.341.232
	46.553.495.279	58.659.537.544

Khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không tính lãi và phải trả khi được yêu cầu.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

(a) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2016	Số đã thu/bù trừ	Số phải thu/nộp	30/6/2016
	VND	trong kỳ	thừa trong kỳ	VND
		VND	VND	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	228.010.358	(228.010.358)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.303.092.357	-	3.239.380.681	5.542.473.038
	2.531.102.715	(228.010.358)	3.239.380.681	5.542.473.038

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016	Số phải nộp	Số đã bù trừ/	30/6/2016
	VND	trong kỳ	nộp trong kỳ	VND
		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	6.070.766.049	53.940.551.149	(54.319.912.373)	5.691.404.825
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.520.353.336	53.523.676.565	(68.714.135.632)	19.329.894.269
Thuế thu nhập cá nhân	134.826.325	7.553.124.631	(7.585.041.956)	102.909.000
Tiền thuê đất	-	11.223.614.000	(11.223.614.000)	-
Các loại thuế khác	8.521.200	262.818.000	(271.339.200)	-
	40.734.466.910	126.503.784.345	(142.114.043.161)	25.124.208.094

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Lãi vay phải trả	70.955.800.595	52.146.398.006
Các khoản trích trước khác	319.427.672	-
	<hr/> 71.275.228.267	<hr/> 52.146.398.006

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Cổ tức phải trả	153.095.015.360	172.933.868.310
Bảo hiểm xã hội	7.026.543.482	15.001.234
Kinh phí công đoàn	2.241.133.250	1.115.430.292
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.241.633.048	9.381.625.888
	<hr/> 167.604.325.140	<hr/> 183.445.925.724

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		30/6/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	-	110.000.000.000	(110.000.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	63.395.046.558	37.385.697.826	(32.235.904.588)	68.544.839.796
	<hr/> 63.395.046.558	<hr/> 147.385.697.826	<hr/> (142.235.904.588)	<hr/> 68.544.839.796

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Vay dài hạn	871.801.220.226	830.242.632.540
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(68.544.839.796)	(63.395.046.558)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	803.256.380.430	766.847.585.982

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại	Lãi suất	Năm	30/6/2016	1/1/2016
	tiền	năm	đáo hạn	VND	VND
Vay ODA giai đoạn II	JPY	1,5%	2029	452.375.507.084	392.511.931.812
Vay ODA cầu số 4, số 5 (*)	VND	9,7%	2040	342.110.245.728	342.110.245.728
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu (**)	USD	4,25%	2018	77.315.467.414	95.620.455.000
				871.801.220.226	830.242.632.540

(*) Ngày 25 tháng 11 năm 2015, Bộ Giao thông Vận tải đã ban hành Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng – Giai đoạn 2. Theo đó, giá trị khoản vay cho cầu số 4, số 5 mà Công ty phải chịu là 342.110.245.728 VND từ ngày 1 tháng 7 năm 2014. Cảng Hải Phòng đã xây dựng Phương án trả khoản vay trên với lãi suất 9,5%/năm và phí cho vay lại 0,2%/năm theo yêu cầu của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Theo đó, thời hạn của khoản vay là đến năm 2040. Công ty đã ghi nhận khoản vay này và thực hiện trích trước chi phí lãi vay phải trả từ ngày 1 tháng 7 năm 2014.

(**) Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 135.580 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/1/2016: 157.429 triệu VND) (Thuyết minh 13).

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Dự phòng phải trả

(a) Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Dự phòng sửa chữa định kỳ tài sản cố định	20.984.543.174	16.000.000.000
Dự phòng nợ vớt bến cảng	10.000.000.000	10.000.000.000
	30.984.543.174	26.000.000.000
	30.984.543.174	26.000.000.000

(b) Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Sửa chữa định kỳ tài sản cố định VND
Số dư đầu kỳ	29.267.835.000
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(8.206.537.000)
	21.061.298.000
	21.061.298.000

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	120.309.326.329	168.267.676.824
Trích lập trong kỳ/năm	57.104.511.362	49.308.163.689
Sử dụng trong kỳ/năm	(139.858.730.794)	(97.266.514.184)
	37.555.106.897	120.309.326.329
	37.555.106.897	120.309.326.329

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2015 – đã điều chỉnh lại	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	37.152.450.589	286.053.788.488	404.914.495.966	3.457.018.570.972
<i>Số dư tại ngày 1/1/2015 – theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước (*)</i>	3.269.600.000.000	72.599.527.038	-	37.152.450.589	244.701.790.064	404.383.051.617	4.028.436.819.308
<i>Điều chỉnh lại (**)</i>	-	-	(613.301.691.109)	-	10.686.913.868	531.444.349	11.218.358.217
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	224.505.907.611	66.150.335.983	290.656.243.594
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	58.313.977.311	(58.313.977.311)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(16.762.369.187)	(2.499.191.744)	(19.261.560.931)
Cổ tức	-	-	-	-	(112.340.000.000)	(29.400.000.000)	(141.740.000.000)
Thay đổi khác	-	-	-	58.538.771	(1.931.427.802)	(73.803.300)	(1.946.692.331)
Số dư tại ngày 30/6/2015 – đã điều chỉnh lại	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	95.524.966.671	321.211.921.799	439.091.836.905	3.584.726.561.304

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016 – đã điều chỉnh lại	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	95.590.703.400	462.891.641.790	473.082.180.933	3.760.462.362.052
<i>Số dư tại ngày 1/1/2016 – theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31/12/2015</i>	3.269.600.000.000	72.599.527.038	-	95.590.703.400	370.896.388.122	473.082.180.933	4.281.768.799.493
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 37)</i>	-	-	(613.301.691.109)	-	91.995.253.668	-	(521.306.437.441)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	226.514.716.862	71.072.841.809	297.587.558.671
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	60.400.015.180	(60.400.015.180)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(50.772.616.961)	(6.331.894.401)	(57.104.511.362)
Có tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	(163.480.000.000)	(99.080.000.000)	(262.560.000.000)
Thay đổi khác	-	-	-	55.271.000	(3.530.941.046)	-	(3.475.670.046)
Số dư tại ngày 30/6/2016	3.269.600.000.000	72.599.527.038	(613.301.691.109)	156.045.989.580	411.222.785.465	438.743.128.341	3.734.909.739.315

(*) Ngày 8 tháng 9 năm 2015, Kiểm toán Nhà nước đã công bố kết quả kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm 2014. Kết quả của Kiểm toán Nhà nước có một số thay đổi so với số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Các chênh lệch này đã được điều chỉnh lại trên số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(**) Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Ban Tổng Giám đốc Công ty phát hiện ra sai sót trong báo cáo tài chính hợp nhất của các năm trước (Thuyết minh 37) và đã sửa chữa các sai sót này.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	326.960.000	3.269.600.000.000	326.960.000	3.269.600.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành và số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.960.000	3.269.600.000.000	326.960.000	3.269.600.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

26. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày ngày 14 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức trị giá 261.568 triệu VND, trong đó 98.088 triệu VND đã được tạm ứng theo Nghị quyết số 45/NQ-CHP ngày 8 tháng 9 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty.

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	8.448.627	188.172.155.539	42.307	949.677.039
EUR	28.254	698.317.384	28.225	689.849.862
		<u>188.870.472.923</u>		<u>1.639.526.901</u>

01120
 ÔNG
 NHIỆM
 CPM
 LIÊM

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	29.796.966.792	19.929.192.044
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.730.403.134	4.342.517.605
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	543.354.520	705.199.608
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.347.516.300	2.736.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.213.774	77.468.078
	35.423.454.520	27.790.377.335

31. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	23.552.744.883	40.169.001.245
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.036.380.049	2.363.600.090
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	74.063.622.517	3.969.696.552
Lỗ do thoái vốn khoản đầu tư vào công ty liên kết	889.170.396	-
	102.541.917.845	46.502.297.887

10/11
HAI
HP

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Chi phí nhân viên quản lý	42.993.986.492	31.787.997.121
Phân bổ lợi thế kinh doanh	6.412.392.000	6.412.392.000
Chi phí khấu hao	3.618.487.148	3.431.584.286
Dự phòng phải thu khó đòi	3.900.000.329	467.557.596
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.443.029.424	6.603.500.184
Chi phí khác	28.151.037.687	12.837.969.498
	<hr/>	<hr/>
	93.518.933.080	61.541.000.685
	<hr/>	<hr/>

33. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	60.134.157.002	73.975.682.596
Chi phí nhân công	335.379.745.997	325.084.941.146
Chi phí khấu hao và phân bổ	199.777.087.735	198.954.799.307
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.682.001.057	87.561.899.127
Chi phí khác	103.630.493.605	109.909.737.000
	<hr/>	<hr/>



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	53.523.676.565	57.589.841.616
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	2.031.395.436	-
Chi phí thuế thu nhập	55.555.072.001	57.589.841.616

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	353.142.630.672	348.246.085.210
Thuế tính theo thuế suất của Công ty và các công ty con	73.967.223.486	57.557.173.282
Giá trị thuế khoản chi phí không được khấu trừ	521.728.663	307.657.138
Giá trị thuế khoản thu nhập không chịu thuế	(135.439.260)	(274.988.804)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	33.699.676	-
Ảnh hưởng giá trị thuế khoản cổ tức trong nội bộ Công ty và các công ty con	(20.863.536.000)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	2.031.395.436	-
	55.555.072.001	57.589.841.616

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con bao gồm Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu, Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế Cảng Hải Phòng, Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật Nghiệp vụ Cảng Hải Phòng, và Công ty Cổ phần Lai dất và Vận tải Cảng Hải Phòng có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 (2015: 22%).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ, một công ty con của Công ty, có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2008 đến năm 2018 và theo thuế suất phổ thông sau đó. Công ty con này được giảm 50% thuế thu nhập từ năm 2008 đến năm 2014.

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông (*)	226.514.716.862	224.505.918.611
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	326.960.000	326.960.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	692,79	686,65

(*) Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty không bao gồm số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi vì quỹ khen thưởng và phúc lợi chưa được trích lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Công ty hiện chưa có kế hoạch phân bổ quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm 2016. Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể giảm đi do việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi.

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong năm Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – Công ty mẹ		
Chia cổ tức	151.320.688.500	77.395.350.000
Công ty TNHH Tiếp vận SITC – Đình Vũ		
Mua dịch vụ	-	40.243.500
Công ty Cổ phần Tiếp vận Đình Vũ		
Mua dịch vụ	15.450.053.144	16.345.475.308
Cổ tức được chia	2.736.000.000	2.736.000.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	2.582.589.956	1.965.005.516

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Số liệu so sánh

Trong quá trình lập báo cáo tài chính cho kỳ hiện tại, Ban Tổng Giám đốc đã phát hiện một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 không được phân loại đúng trong báo cáo tài chính năm trước như sau:

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn trên một năm với giá trị 15.504.823.644 VND được phân loại là phải thu dài hạn của khách hàng;
- Phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn trên một năm có giá trị 150.000.000 VND được phân loại là phải thu dài hạn khác;
- Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi có giá trị 13.780.724.899 VND được phân loại là dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi;
- Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết có giá trị 77.551.047.448 VND được phân loại là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác mặc dù Công ty nắm giữ trên 20% sở hữu và quyền biểu quyết của các bên nhận đầu tư;
- Phần sở hữu của Công ty trong lỗ của công ty liên kết có giá trị 6.300.000.000 VND không được ghi nhận khi lập báo cáo tài chính hợp nhất;
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn có giá trị 6.300.000.000 VND cho công ty liên kết không được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- Hàng tồn kho có giá trị 10.558.922.152 VND được phân loại là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng phát hiện ra sai sót trong báo cáo tài chính hợp nhất của các năm trước như sau:

Khi Công ty thực hiện cổ phần hóa vào năm 2014, khoản đầu tư vào công ty con của Công ty được đánh giá lại theo hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần với giá trị tăng thêm là 613.301.691.109 VND. Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần ngày 1 tháng 7 năm 2014, Công ty ghi nhận khoản chênh lệch này là lợi thế thương mại và phân bổ trong 10 năm từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 thay vì ghi nhận là khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản theo hướng dẫn của các quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ảnh hưởng của sai sót này đối với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

- lợi thế thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bị ghi nhận thừa 521.306.437.441 VND;
- lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bị ghi nhận thiếu 91.995.253.668 VND;
- chênh lệch đánh giá lại tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bị ghi nhận thừa 613.301.691.109 VND;
- chi phí quản lý doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bị ghi nhận thừa 30.665.084.556 VND;
- lợi nhuận trước và sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bị ghi nhận thiếu 30.665.084.556 VND;

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bị ghi nhận thiếu 30.665.084.556 VND; và
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bị ghi nhận thiếu 93,79 VND.

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định điều chỉnh một số số liệu của năm 2015 để sửa chữa những sai sót này. Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2016 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh lại VND	1/1/2016 (đã điều chỉnh lại) VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	235.603.055.416	15.504.823.644	251.107.879.060
Phải thu ngắn hạn khác	140.691.889.987	150.000.000	140.841.889.987
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(772.153.600)	(13.780.724.899)	(14.552.878.499)
Hàng tồn kho	29.774.345.880	10.558.922.152	40.333.268.032
Phải thu dài hạn của khách hàng	15.504.823.644	(15.504.823.644)	-
Phải thu dài hạn khác	743.181.000	(150.000.000)	593.181.000
Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	(13.780.724.899)	13.780.724.899	-
Đầu tư vào các công ty liên kết	163.029.568.615	71.251.047.448	234.280.616.063
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	95.299.957.448	(77.551.047.448)	17.748.910.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(6.305.000.000)	6.300.000.000	(5.000.000)
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	10.558.922.152	(10.558.922.152)	-
Lợi thế thương mại	521.306.437.441	(521.306.437.441)	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	(613.301.691.109)	(613.301.691.109)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	370.896.388.122	91.995.253.668	462.891.641.790

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015		
	(theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh lại VND	(đã điều chỉnh lại) VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	92.206.085.241	(30.665.084.556)	61.541.000.685
Lợi nhuận kế toán trước thuế	317.581.000.654	30.665.084.556	348.246.085.210
Lợi nhuận sau thuế TNDN	259.991.159.038	30.665.084.556	290.656.243.594
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	193.840.823.055	30.665.084.556	224.505.907.611
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	592,86	93,79	686,65

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015		
	(theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh lại VND	(đã điều chỉnh lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	317.581.000.654	30.665.084.556	348.246.085.210
Khấu hao và phân bổ	229.619.883.863	(30.665.084.556)	198.954.799.307

Ngày 13 tháng 10 năm 2016

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6206 /CHP

Hải Phòng, ngày 8 tháng 10 năm 2016

"V/v giải trình biến động kết quả kinh
doanh trong BCTC bán niên năm
2016 đã được soát xét"

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng.

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Mã chứng khoán PHP) xin giải trình biến động kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2016 đã được soát xét so với cùng kỳ năm 2015 như sau:

STT	Chỉ tiêu	6T năm 2016	6T năm 2015
1	Lợi nhuận sau thuế BCTC riêng	206.460.093.350	148.558.408.488
2	Lợi nhuận sau thuế BCTC hợp nhất	297.587.558.671	290.656.243.594

1. Biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng:

Từ ngày 01/02/2016, Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng thực hiện giải thể Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu và Chi nhánh Cảng Bạch Đằng, thành lập Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu. Công ty chuyển Trung tâm y tế thành Công ty TNHH MTV Trung tâm y tế Cảng Hải Phòng, chuyển Trường trung cấp nghề Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng thành Công ty TNHH MTV Đào tạo Kỹ thuật nghiệp vụ Cảng Hải Phòng. Vì vậy, các chỉ tiêu Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Giá vốn hàng bán trong BCTC riêng bán niên năm 2016 không bao gồm kết quả SXKD của các công ty TNHH MTV nêu trên.

Doanh thu hoạt động tài chính 6 tháng năm 2016 có biến động lớn so với cùng kỳ năm trước do Công ty nhận được cổ tức từ các Công ty con, tổng số tiền là 103,62 tỷ đồng. Tuy nhiên do tỷ giá đồng Yên Nhật biến động mạnh, chi phí tài chính khi đánh giá tỷ giá cuối kỳ 30/06/2016 khoản vay nợ bằng đồng Yên Nhật là 73,88 tỷ.

Bên cạnh đó, Công ty đã tiết giảm các khoản chi phí SXKD và một số khoản chi phí cùng kỳ năm trước phát sinh nhưng chưa phát sinh trong 6 tháng đầu năm nay, do vậy lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2016 là 206.460.093.350 đồng, tăng 38,98% so với cùng kỳ năm trước.



2. Biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

Số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện đủ số liệu của các công ty con được tách ra trong kỳ, do vậy số liệu BCTC hợp nhất phản ánh đầy đủ khi so sánh với cùng kỳ năm trước. Doanh thu có tăng trưởng do sản lượng hàng hóa tăng, mặt khác giá vốn giảm (đã được giải trình tại khoản 1). Lợi nhuận sau thuế hợp nhất tăng 2,38% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tháng năm 2016 là 93.518.933.080 đồng, tăng 51,96% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân do trong năm 2015 các Công ty TNHH MTV được nêu tại mục 1 hoạt động theo mô hình chi nhánh của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng nên chi phí phát sinh được hạch toán trong giá vốn hàng bán.

3. Biến động số liệu kết quả hoạt động kinh doanh trong Báo cáo tài chính hợp nhất trước và sau kiểm toán

Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp trước khi chuyển sang Công ty cổ phần, Công ty TNHH Hãng kiểm toán và định giá ATC đã xác định giá trị các khoản đầu tư của Cảng Hải Phòng tại các công ty con tăng thêm, số tiền là 613.301.691.109 đồng. Công ty định giá ATC, Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA) – đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC năm 2014, năm 2015 và Kiểm toán Nhà nước đều đồng ý và không có ý kiến điều chỉnh đối với việc ghi nhận phần chênh lệch trên vào chỉ tiêu Lợi thế thương mại trên BCTC hợp nhất của Cảng Hải Phòng.

Công ty TNHH KPMG – đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC năm 2016 có ý kiến phải ghi nhận phần chênh lệch trên vào chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản thay vì chỉ tiêu Lợi thế thương mại trên Bảng cân đối kế toán.

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – cổ đông Nhà nước có phần vốn góp chi phối tại Cảng Hải Phòng đã có văn bản hỏi ý kiến Bộ Tài chính. Bộ Tài chính đã có văn bản hướng dẫn số 13573/BTC-CDKT ngày 27/9/2016.

Sau khi có buổi trao đổi với Vụ Chế độ kế toán – Bộ Tài chính, Cảng Hải Phòng đã điều chỉnh báo cáo, ghi giảm Chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tháng năm 2016 của BCTC hợp nhất là 30.665.084.556 so với BCTC Công ty đã lập và công bố, đồng thời điều chỉnh hồi tố số liệu cùng kỳ năm trước để so sánh.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch HĐQT Cty (để b/cáo);
- Lưu VT, P.TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hùng Việt



Số: 6217 /CHP

Hải Phòng, ngày 19 tháng 10 năm 2016

*“V/v giải trình ý kiến ngoại trừ của
kiểm toán trong BCTC bán niên năm
2016 đã được soát xét”*

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng.

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Mã chứng khoán PHP) xin giải trình 02 ý kiến ngoại trừ của kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 1/1/2016 đến ngày 30/6/2016 của Công ty như sau:

I. Báo cáo tài chính riêng

Ý kiến *“Tài sản cố định của Công ty là cầu số 4, số 5, bãi container và một số thiết bị khác được hình thành từ trước thời điểm cổ phần hóa Công ty. Tại ngày 1 tháng 7 năm 2014 là thời điểm Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần, Công ty đã ghi nhận các tài sản nói trên theo giá trị định giá lại khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Vào ngày 25 tháng 11 năm 2015, Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT phê duyệt giá trị quyết toán của các tài sản này và yêu cầu Công ty nhận nợ khoản vay vốn ODA liên quan đến các tài sản này do nguồn vốn đầu tư dự án hình thành các tài sản nói trên trước đây bao gồm vốn vay ODA và vốn Nhà nước. Do giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần chưa được quyết toán, Công ty đã tạm thời ghi nhận một phần khoản vay vốn ODA bằng cách chuyển sang từ nguồn vốn Nhà nước. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty vẫn đang trong quá trình xin phê duyệt phương án trả nợ các khoản vay vốn ODA. Do không có đầy đủ thông tin, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với các số liệu trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ liên quan đến tài sản cố định hữu hình – nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế, phải thu về cổ phần hóa, vay dài hạn, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, giá vốn hàng bán và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.”*

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ này đã tồn tại từ giai đoạn công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 1/7/2014 và đã được Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng giải trình bằng văn bản gửi Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trong BCTC năm 2014 và năm 2015. Cho đến ngày 30/6/2016, Công ty cổ

phần Cảng Hải Phòng chưa thực hiện quyết toán vốn Nhà nước nên vẫn tồn tại ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên.

Tuy nhiên trong tháng 10/2016 Tổng công ty Hàng hải Việt Nam sẽ thực hiện quyết toán vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng. Sau khi việc quyết toán vốn Nhà nước tại Cảng Hải Phòng được hoàn thành, công ty sẽ thực hiện điều chỉnh số liệu trong Báo cáo tài chính.

II. Báo cáo tài chính hợp nhất

1. Ý kiến “*Như được trình bày tại Thuyết minh 8(b), Công ty không thể thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc, một công ty liên kết của Công ty, tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, ngày 1 tháng 1 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2015 để hạch toán phần vốn đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Do không có đủ thông tin, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục soát xét thích hợp để thu thập bằng chứng cần thiết về việc hạch toán khoản đầu tư vào công ty liên kết này theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ liên quan đến đầu tư vào các công ty liên kết, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.*”

Ngày 18/06/2014, Phòng Đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định số 9228/14 về việc thu hồi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của CTCP Vinalines Đông Bắc. Do CTCP Vinalines Đông Bắc đã dừng hoạt động nên Cảng Hải Phòng không thể thu thập được các bằng chứng cần thiết về việc hạch toán khoản đầu tư vào công ty liên kết này để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, kiểm toán có đề cập lại ý kiến ngoại trừ đối với *Tài sản cố định của Công ty là cầu số 4, số 5, bãi container và một số thiết bị khác được hình thành từ trước thời điểm cổ phần hóa Công ty. Công ty đã giải trình ý kiến này ở mục I.*

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng xin giải trình các ý kiến ngoại trừ của kiểm toán nêu trên đến Quý cơ quan để làm rõ hơn các thông tin trong báo cáo tài chính cũng như để Quý vị cổ đông và nhà đầu tư hiểu rõ hơn về tình hình tài chính của công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch HĐQT Cty (để b/cáo);
- Lưu Thư ký Cty, VT, TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hùng Việt